TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỀN HẢI** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 03/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Phạm Mã Siêu.

Bà: Vũ Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần văn Tr, sinh năm 1987, tại xã ĐH, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn BL, xã ĐH, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tr1 và bà Vũ Thị Đ; có vợ là Thẩm Phương L và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: 05 tiền án: Bản án số 07/2012/HSST ngày 17/02/2012 Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 05 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 12/2012/HSST ngày 02/3/2012 Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 45/2013/HSST ngày 08/10/2013 Tòa án nhân dân huyện KX xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 47/2014/HSST ngày 09/10/2014 Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 76/2014/HSST ngày 29/10/2014 bị Tòa án nhân dân huyện MH, tỉnh HY xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2011 bị Công an huyện T1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2018 đến ngày 28/12/2018 chuyển tạm giam; bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn NĐN, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Chị Vũ Thị Th1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn LĐ, xã ĐC, huyện T1, tỉnh Thái Bình *(những người bị hại đều vắng mặt)*.

***- Người liên quan*:**

Anh Đặng Đức T, sinh năm 1976; anh Trần Ngọc K, sinh năm 1988. Đều ở địa chỉ: Thôn PL, xã ĐT, huyện T1, tỉnh Thái Bình *(anh Kiêm có mặt, anh Toan vắng mặt)*.

- Người làm chứng:

Ông Trần Quang T2, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn NĐB, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Anh Vũ Đình T3, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn VX, xã ĐH, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Anh Đỗ Văn Tr3, sinh năm 1978; anh Vũ Văn T4, sinh năm 1970; ông Đỗ Ngọc B, sinh năm 1966; anh Vũ Văn Ch, sinh năm 1971. Đều ở địa chỉ: Thôn LĐ, xã ĐC, huyện T1, tỉnh Thái Bình *(những người làm chứng đều vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12h30 phút ngày 10/11/2018, Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh không rõ biển kiểm soát chở Vũ Đình T3 vào quán sửa chữa điện thoại của anh Đặng Đức T để bán chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng bị vỡ màn hình của Tr lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau đó, Tr tiếp tục chở Tiến đến nhà ông Trần Quang T2 chơi nhưng thấy cửa khóa. Tr bảo T3 đứng đợi ở ngoài đường, còn Tr đi bộ vào nhà bà Hoàng Thị X ở cạnh trang trại nhà ông T2 mục đích hỏi ông T2 đi đâu nhưng nhà bà X cũng không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Phát hiện trước cửa nhà bà X có 01 chiếc kéo bằng kim loại, Tr nhặt chiếc kéo rồi luồn phần mũi nhọn của kéo qua tai khóa cửa, dùng lực tỳ mạnh lưỡi kéo vào tai khóa làm tai khóa bung ra. Tr mở cửa đi vào trong nhà bà X thì thấy trong ngăn bàn uống nước có 03 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc Mobell S40 màu vàng; 01 chiếc Iphone 5 màu trắng; 01 chiếc Nokia màu đen, Tr trộm cắp 03 chiếc điện thoại bỏ vào túi áo khoác đang mặc rồi tiếp tục lục tìm tài sản trong tủ đứng bằng gỗ nhưng không có tài sản gì nên khép cánh tủ lại và đi ra ngoài chỗ T3 đang đứng đợi lên xe chở T3 đi về. Trên đường về, Tr vào quán sửa chữa điện thoại của anh T ở ĐT bán cho anh T 03 điện thoại vừa trộm cắp được với giá 900.000đồng rồi chở T3 về nhà.

Ngày 13/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với 03 chiếc điện thoại mà Tr trộm cắp. Kết quả định giá xác định: 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng trị giá 1.600.000 đồng, 01 điện thoại di động Mobell màu vàng đen trị giá 900.000 đồng, 01 điện thoại Nokia đen trắng màu đen trị giá 240.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 2.740.000 đồng.

Căn cứ tài liệu điều tra xác minh, ngày 14/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã ra quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Tr về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 BLHS để điều tra, xử lý.

Trong thời gian bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, Tr tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp, cụ thể như sau: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 22/12/2018, Tr điều khiển xe mô tô Wave Anpha biển kiểm soát 16K4-9290 đến nhà Trần Ngọc K để rủ K đi chơi. Tr nói với Kiêm "đi xuống ĐC để xoay tiền" ý nói là rủ K xuống ĐC để trộm cắp tài sản, Kiêm hiểu ý Tr rủ đi trộm cắp tài sản

nên đồng ý. Tr điều khiển xe chở K đi từ xã ĐT đến xã ĐC, phát hiện thấy cổng, cửa nhà chị Vũ Thị Th1 cài then nhưng không khóa, Tr điều khiển xe chở K đi cách nhà chị Th1 20 mét rồi dừng lại, bảo K đứng chờ còn Tr đi bộ về phía nhà chị Th1, mở then cổng rồi đi vào nhà chị Th1, phát hiện chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy J2 Prime màu vàng của chị Th1 đang cắm sạc pin để phía sau tivi, Tr tiến lại dùng tay rút dây sạc ra rồi lấy điện thoại cầm ở tay chạy ra ngoài. Khi Tr ra khỏi cổng được khoảng 10 mét thì bị chị Th1 phát hiện tri hô. Tr chạy lại chỗ K đang đứng và bảo K nổ máy đi, K đạp cần số 02 lần nhưng xe không nổ, thấy vậy, Tr gạt K ra và đạp cần số 01 lần thì xe máy nổ, Tr chở K bỏ chạy theo hướng đường cũ để đi ra đường liên xã ĐC. Tr và K chạy được khoảng 100 mét thì xe mô tô chết máy, thấy phía trước có đông người đứng chắn, K bỏ chạy còn Tr bị người dân giữ lại và trình báo lên Công an xã ĐC, huyện T1 giải quyết.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã ra quyết định tạm giữ đối với Tr và quyết định trưng cầu định giá tài sản mà Tr trộm cắp. Kết quả định giá xác định: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Prime màu vàng trị giá 1.374.000 đồng. Ngày 27/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với Tr về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 BLHS để điều tra, xử lý.

Ngày 13/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã ra quyết định nhập vụ án Trộm cắp tài sản theo quyết định khởi tố vụ án số 93 ngày 14/11/2018 với vụ án Trộm cắp tài sản theo quyết định khởi tố vụ án số 15 ngày 27/12/2018 để điều tra xử lý. Tổng giá trị tài sản Tr trộm cắp của bà X và chị T là 2.740.000 đồng + 1.374.000 đồng = 4.114.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKSTH ngày 04/3/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố Trần Văn Tr về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn Tr phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn Tr từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự và án phí.

Bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn Tr đều khai nhận, trong các ngày 10/11/2018 và ngày 22/12/2018, bị cáo là người có 05 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, có hành vi trộm cắp của bà Hoàng Thị X, chị Vũ Thị Th1 04 chiếc điện thoại, có tổng giá trị tài sản là 4.114.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo Tr phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là bà Hoàng Thị X và chị Vũ Thị Th1; lời khai của những người làm chứng là ông Trần Quang T2, anh Vũ Đình T3, anh Đỗ Văn Tr3, anh Vũ Văn T4, ông Đỗ Ngọc B, anh Vũ Văn Ch; lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Đức T, anh Trần Ngọc K; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; Biên bản định giá tài sản; Bản kết luận Định giá tài sản các ngày 13/11/2018 và ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện T1 và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, trong các ngày 10/11/2018 và ngày 22/12/2018, bị cáo Trần Văn Tr đã có hành vi trộm cắp của bà Hoàng Thị X, chị Vũ Thị Th1 04 chiếc điện thoại, có tổng giá trị tài sản là 4.114.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn Tr là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho nhân dân. Bị cáo đã Tr thành về mọi mặt, đã bị xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, có 05 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, không chịu sửa chữa sai lầm lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật. Do bị cáo phạm tội 02 lần nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Trong vụ án này, Trần Ngọc K sinh năm 1988 ở thôn PL, xã ĐT, huyện T1 là người cùng thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J2 Prime trị giá 1.374.000 đồng của chị Vũ Thị Th1 với bị cáo Tr, tuy nhiên tài liệu điều tra xác minh xác định trước đó K chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với K là phù hợp.

Đối với anh Đặng Đức T là người mua 03 chiếc điện thoại; anh Vũ Đình T3 là người chở Tr đến nhà ông Trần Quang T2 và anh Nguyễn Văn B là người cho bị cáo mượn xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha BKS: xy- xxyy. Quá trình điều tra đã xác định bản thân Tr không nói, anh T không biết 03 chiếc điện thoại Tr bán cho anh T là tài sản do trộm cắp mà có; anh B, anh T3 không biết việc Tr mượn xe của anh B, Tr nhờ T3 chở đến nhà ông T2 sau đó vào nhà bà X để trộm cắp tài sản, anh T3 cũng không được hưởng lợi gì từ việc Tr trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Đặng Đức T, anh Vũ Đình T3 và anh Nguyễn Văn B là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định 01 chiếc kéo bằng kim loại dài24 cm đã qua sử dụng và 01 ổ khóa bằng kim loại, trên thân có chữ LOCH và VIET-PHAP đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bà Hoàng Thị X nên cần trả lại cho bà X. Đối với 01 chiếc điện thoại Nokia vỏ màu đen, đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo Tr nên cần trả lại cho bị cáo tuy nhiên cần tạm quản lý để đảm bảo thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là bà Hoàng Thị X, chị Vũ Thị Th1 sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu gì về việc bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết. Đối với chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng số IMEI 013725000627171, quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Tr, bị cáo đã bán lại cho anh T trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho anh T. Đối với 03 chiếc điện thoại Tr trộm cắp, anh T đã mua với giá 900.000 đồng, quá trình điều tra, anh T đã giao nộp 03 chiếc điện thoại trên để phục vụ công tác điều tra. Đến nay anh T không yêu cầu bị cáo Tr bồi thường số tiền 900.000 đồng nên không đặt ra giải quyết.

[7] Bị cáo Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Tr phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Văn Tr 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bà Hoàng Thị X 01 chiếc kéo bằng kim loại dài 24 cm đã qua sử dụng và 01 ổ khóa bằng kim loại, trên thân có chữ LOCH và VIET-PHAP đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Tr 01 chiếc điện thoại Nokia vỏ màu đen, đã qua sử dụng nhưng cần tạm quản lý để đảm bảo thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 03 tháng 4 năm 2019. Người bị hại có quyền kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện T1;
- CA; nhà tạm giữ CA huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đồng Ngọc Huyền